

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/ 2021/DS-PT

Ngày: 19/5/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Hồ Dương Liêm.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Lâm Văn Be;
2. Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

***Thư ký phiên tòa:*** ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự lý số: 34/2021/TLPT-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2020/DS-ST, ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2021/QĐ-PT, ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

- Bà Hà Thị H, sinh năm 1960;
- Ông Ngô T, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: số 06, đường 3/2, khu phố x, Phường s, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

\*Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô T: bà Hà Thị H (theo Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020 và ngày 22/9/2020). Có mặt.

**2. Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (viết tắt là Công ty TNHH MTV T).

Địa chỉ: số 341, đường L, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Khắc Q – Chức vụ: Giám đốc.  
Vắng mặt

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Lê Thị K, sinh năm 1981; địa chỉ: số 12..., ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2020). Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Huỳnh Khắc Q, sinh năm 1984; địa chỉ: số 3..., đường L, khu phố z, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Khắc Q: bà Lê Thị K (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2020). Có mặt.

**4. Người kháng cáo:**

- Công ty TNHH MTV T - Bị đơn;

- Ông Huỳnh Khắc Q - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Hà Thị H và bà H đại diện cho ông T trình bày:*

Vợ chồng bà H và Giám đốc Công ty TNHH MTV T – ông Huỳnh Khắc Q có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 28/12/2018 bà H và ông T có cho Công ty TNHH MTV T vay số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng. Số tiền này được vợ chồng bà giao cho ông Q 02 lần, lần thứ nhất là ngày 28/12/2018 giao 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng, lần thứ hai là ngày 02/01/2019 giao tiếp 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng mà vợ chồng bà cho Công ty TNHH MTV T vay có nguồn gốc là tiền vợ chồng bà thế chấp giấy CNQSD đất do con gái bà đứng tên vay ngân hàng cho Công ty TNHH MTV T vay lại. Do đó, hai bên thỏa thuận Công ty TNHH MTV T sẽ trả lãi cho vợ chồng bà theo mức lãi suất mà ngân hàng quy định để vợ chồng bà trả lãi cho ngân hàng, trung bình mỗi tháng ông Q trả cho vợ chồng bà khoảng 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng tiền lãi. Mục đích Công ty TNHH MTV T vay tiền là để kinh doanh. Khi vay, thì ông Q là Giám đốc Công ty TNHH MTV T

nói là khoảng một đến hai tháng sẽ trả lại số tiền gốc cho vợ chồng bà. Tuy nhiên, hết thời hạn vay, vợ chồng bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng Công ty TNHH MTV T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 28/9/2019, vợ chồng bà và Công ty TNHH MTV T làm biên bản xác nhận nợ đồng thời Công ty TNHH MTV T cam kết đến ngày 30/12/2019 sẽ thanh toán đủ số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng cho vợ chồng bà. Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mà đến ngày 31/12/2019 Giám đốc Công ty TNHH MTV T là ông Huỳnh Khắc Q mới chuyển khoản trả cho vợ chồng bà 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền gốc. Đến ngày 12/4/2020, Công ty TNHH MTV T tiếp tục làm biên bản xác nhận công nợ lần 02 và xác nhận còn nợ vợ chồng bà tổng cộng số tiền 2.812.500.000 (hai tỷ tám trăm mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng (trong đó tiền nợ gốc 2.700.000.000 đồng, tiền lãi 04 tháng từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020 là 104.000.000 đồng), và ông Q còn nợ vợ chồng bà số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng và cam kết sẽ thanh toán cho vợ chồng bà làm 03 đợt như sau:

- Từ ngày 13/4/2020 đến ngày 18/4/2020 thanh toán 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;
- Từ ngày 19/4/2020 đến ngày 13/5/2020 thanh toán 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng;
- Từ ngày 14/5/2020 đến ngày 12/6/2020 thanh toán số tiền còn lại.

Sau khi ký biên bản xác nhận công nợ thì Công ty TNHH MTV T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Đến ngày 05/5/2020 Giám đốc Công ty TNHH MTV T chuyển khoản trả cho vợ chồng bà được 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Khi vay tiền của vợ chồng bà H thì ông Q nhận tiền với tư cách là Giám đốc Công ty TNHH MTV T. Sau đó, hai bên làm biên bản xác nhận công nợ thì bên vay cũng là Công ty TNHH MTV T, ông Q ký biên bản xác nhận nợ với tư cách người đại diện theo pháp luật của công ty và có đóng dấu của Công ty TNHH MTV T. Tính đến thời điểm hiện nay Công ty TNHH MTV T còn nợ vợ chồng bà số tiền 2.608.500.000 (hai tỷ sáu trăm linh tám triệu năm trăm nghìn) đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 2/2020 đến nay chưa trả, trong đó có 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng là khoản nợ riêng của ông Q.

Nay bà H và ông T yêu cầu Công ty TNHH MTV T trả cho vợ chồng ông bà số tiền 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ tháng 02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với

số tiền có 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng là khoản nợ riêng của ông Q nên bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

\* Bà Lê Thị K – Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV T và ông Huỳnh Khắc Q, trình bày:

Giữa ông Huỳnh Khắc Q với vợ chồng ông Ngô T và bà Hà Thị H có quan hệ quen biết nên ông Q có vay tiền của ông T, bà H nhiều lần để làm ăn. Tính đến năm 2019 thì số tiền ông Q nợ ông T, bà H là 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng. Vì vậy, ngày 28/9/2019 ông Huỳnh Khắc Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T có ký biên bản xác nhận nợ cho ông T, bà H với số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng. Cùng ngày 28/9/2019, ông Q có ký thêm một biên bản xác nhận nợ với ông T, bà H với số tiền 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng và đóng dấu của Công ty TNHH MTV T, tuy nhiên khoản nợ 1.350.000.000 đồng này là khoản nợ của bà Châu đối với ông T, bà H. Vì sợ ông T, bà H khởi kiện cả 02 giấy nợ trên nên ngày 12/4/2020 ông Q ký biên bản xác nhận công nợ với ông T, bà H với số tiền là 2.812.500.000 (hai tỷ tám trăm mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 2.708.500.000 đồng và tiền lãi là 104.000.000 đồng (từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020). Trong biên bản xác nhận công nợ có ghi (*“v/v thỏa thuận cam kết trả nợ theo 2 giấy xác nhận nợ ngày 28/09/2019”*). Do ông T, bà H vay tiền ngân hàng để cho ông Q vay lại nên hàng tháng ông Q có nghĩa vụ trả lãi cho ông T, bà H theo mức lãi suất ngân hàng. Trung bình mỗi tháng ông Q trả tiền lãi cho ông T, bà H số tiền là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng, còn mức lãi suất cụ thể như thế nào thì ông Q không biết. Sau khi lập biên bản xác nhận công nợ ngày 12/4/2020 thì ngày 05/5/2020 ông Q chuyển khoản trả cho ông T, bà H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Nay ông Q chỉ còn nợ ông T, bà H số tiền gốc là 2.608.500.000 (hai tỷ sáu trăm linh tám triệu năm trăm nghìn) đồng (trong đó số tiền vay là 2.600.000.000 đồng và số tiền 8.500.000 đồng là khoản nợ cần trừ của giấy nợ 1.350.000.000 đồng còn thiếu). Đây là nợ riêng của ông Q đối với ông T, bà H, không phải nợ của Công ty TNHH MTV T đối với ông T, bà H nên Công ty TNHH MTV T không đồng ý việc ông T, bà H yêu cầu Công ty TNHH MTV T trả nợ. Nay ông T, bà H yêu cầu Công ty TNHH MTV T trả cho vợ chồng ông bà số tiền 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ tháng 02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, đối với cá nhân ông Q thì đồng ý trả cho ông T, bà H số tiền 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài khoản nợ này ông Q và Công ty TNHH MTV T không còn nợ ông T, bà H khoản tiền nào khác.

*Bản án sơ thẩm số: 83/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, quyết định:*

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H và ông Ngô T đối với Công ty TNHH MTV T.

Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị H và ông Ngô T số tiền gốc là 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi 238.333.000 (hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng, tổng cộng là 2.838.333.000 đồng (hai tỷ tám trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Hà Thị H và ông Ngô T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH MTV T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng Công ty TNHH MTV T còn phải trả cho bà Hà Thị H và ông Ngô T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, bị đơn Công ty TNHH MTV T và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Khắc Q có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số 83/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo hướng không buộc Công ty TNHH MTV T phải trả nợ và ông Q sẽ đồng ý trả nợ cho ông T, bà H toàn bộ số tiền vay trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Công ty TNHH MTV T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là không có vay nợ của bà H và ông T;

- Ông Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xác nhận khoản nợ bà H và ông T khởi kiện là nợ cá nhân của ông, không phải nợ Công ty TNHH MTV T, ông Q đồng ý trả toàn bộ số tiền vay trên.

Ông T, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty TNHH MTV T phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ tháng 02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- **Về tố tụng:** việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV T và Huỳnh Khắc Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

**[1] Về tố tụng:** Đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV T và ông Huỳnh Khắc Q làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

#### **[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV T và Huỳnh Khắc Q:**

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV T và ông Huỳnh Khắc Q bà Lê Thị K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử “*Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị H và ông Ngô T số tiền gốc là 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi 238.333.000 (hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng, tổng cộng là 2.838.333.000 đồng (hai tỷ tám trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng*”; về số tiền vay và lãi suất là đúng không kháng cáo, nhưng về người vay nợ của ông T, bà H không phải là Công ty TNHH MTV T, đây là khoản nợ riêng của cá nhân Huỳnh Khắc Q, không liên quan đến Công ty (bút lục: 40). Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV T, cũng như ông Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông Q là người vay tiền để phục vụ mục đích cá nhân; trái lại, ông T bà H đưa ra chứng cứ là Biên bản xác nhận nợ ngày 28/9/2019 (bút lục 48) và Biên bản xác nhận công nợ lần 2 ngày 12/4/2020 (bút lục 49). Trên cơ sở của hai chứng cứ này cho thấy bên vay là Công ty TNHH MTV T đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Huỳnh Khắc Q ký tên đóng mộc dấu của Công ty TNHH MTV T, không có chứng cứ nào ông Q ký tên vay tiền của bà H, ông T với tư cách cá nhân.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV T và ông Huỳnh Khắc Q bà Lê Thị K không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Như vậy, có căn cứ cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và đánh giá các chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự, nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật về dân sự. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV T và Huỳnh Khắc Q; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để quyết định về lãi suất chậm thi hành án là không chính xác, vì đây là tranh chấp hợp đồng vay có thỏa thuận về việc trả lãi nên phải căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì mới đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 463, 470 của Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án là không cần thiết nên cấp phúc thẩm cần lược bỏ; Do đó, cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho chính xác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH MTV T và ông Huỳnh Khắc Q kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV T và Huỳnh Khắc Q.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 83/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H và ông Ngô T đối với Công ty TNHH MTV T.

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thị H và ông Ngô T số tiền gốc là 2.600.000.000 (hai tỷ sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi là 238.333.000 (hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng; tổng cộng 02 khoản là 2.838.333.000 (hai tỷ tám trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH MTV T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

4. Về án phí:

4.1 Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu 88.767.000 (tám mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

4.2 Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH MTV T và ông Huỳnh Khắc Q mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH MTV T và ông Huỳnh Khắc Q mỗi người đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009567 và 0009568 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Các đương sự;
- Phòng HCTP – TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, lưu trữ, tập án.

**Hồ Dương Liêm**